

Số: **44** /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **25** tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công
trung hạn thành phố giai đoạn 2026 - 2030 (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (lần 2); các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2026 - 2030 (lần 2) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng nguồn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là **198.345,113 tỷ**

đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách Trung ương: **12.500 tỷ đồng**.

b) Nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách thành phố: **125.385,343 tỷ đồng**.

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố trong giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm:

a) Các nguồn vốn đầu tư công của Trung ương

Dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030 là **12.500 tỷ đồng**, cụ thể như sau:

(1) Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận: 1.692,304 tỷ đồng.

(2) Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu: 1.987,905 tỷ đồng.

(3) Dự án Xây dựng nút giao phía Tây thành phố Hải Dương và Đại lộ Võ Nguyên Giáp kéo dài: 1.800 tỷ đồng.

(4) Dự án xây dựng tuyến nối QL.18 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (ĐT.388 QH), đoạn từ ĐT.389B đến địa phận tỉnh Quảng Ninh và đoạn từ QL.5 đến cầu Hợp Thanh (giai đoạn 1): 3.022,32 tỷ đồng.

(5) Dự án Mở rộng đường gom bên trái đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, đoạn qua địa phận huyện Bình Giang kết nối tỉnh Hưng Yên (bao gồm cầu Bãi Sậy): 849,04 tỷ đồng.

(6) Dự án Xây dựng trục kết nối thành phố Hải Dương, huyện Thanh Hà và Kim Thành với QL.10 (qua KCN Tràng Duệ, thành phố Hải Phòng): 1.122,22 tỷ đồng.

(7) Dự án Mở rộng đường 62m kéo dài và đường trục Bắc Nam tỉnh Hải Dương (đoạn nối 02 nút giao giữa QL38B với nhánh lên đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường trục Bắc Nam): 706,42 tỷ đồng.

(8) Dự án phát triển bền vững khu vực Đông Nam thành phố Hải Phòng thích ứng biến đổi khí hậu: 1.319,791 tỷ đồng.

b) Các nguồn vốn đầu tư công của thành phố

Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn ngân sách thành phố là **185.845,113 tỷ đồng**, bao gồm:

(1) Ghi thu – ghi chi tiền đất là **5.331,381 tỷ đồng**.

(2) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện là **39.100,932 tỷ đồng**.

(3) Phân bổ vốn đầu tư công cho Chương trình xây dựng nông thôn mới là **878,848 tỷ đồng**.

(4) Bố trí cho các Chương trình, đề án (thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, giao



thông nông thôn, thiết chế văn hóa, thể thao khu dân cư, xây dựng trụ sở cấp xã, ...) là **5.000 tỷ đồng**.

(5) Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách là **352,608 tỷ đồng**.

(6) Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để cho vay ưu đãi một số hoạt động là **3.846 tỷ đồng**.

(7) Dự kiến phân bổ cho các dự án thành phố là **125.385,343 tỷ đồng** cho 276 dự án, bao gồm: (i) Phân bổ kế hoạch vốn cho 133 dự án thực hiện từ giai đoạn trước, chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030 là 28.093,908 tỷ đồng; (ii) Dự kiến phân bổ kế hoạch vốn cho 143 dự án dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 là 97.291,435 tỷ đồng.

(8) Dự phòng trung hạn: **5.950 tỷ đồng**.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm về hồ sơ, tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ: Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Báo và PTTH HP, Công báo thành phố;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu



PHỤ LỤC I: DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số **44**/NQ-HĐND ngày **25** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (sau hợp nhất)	Dự kiến (lần 1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Dự kiến (lần 2) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Tăng / Giảm	
			Tổng số	Đông Hải Phòng	Tây Hải Phòng	Tổng số	Đông Hải Phòng	Tây Hải Phòng	So với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	So với Dự kiến (lần 1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
	TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG	148.813.939	152.420.754	92.420.754	60.000.000	198.345.113	138.345.113	60.000.000	49.531.174	45.924.359		
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	10.866.451	13.033.750	5.533.750	7.500.000	12.500.000	5.000.000	7.500.000	1.633.549	-533.750		
II	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	137.947.488	139.387.004	86.887.004	52.500.000	185.845.113	133.345.113	52.500.000	47.897.625	46.458.109		
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	27.696.052	28.069.732	22.269.732	5.800.000	44.472.356	38.672.356	5.800.000	16.776.304	16.402.624		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	98.366.458	99.616.905	53.166.905	46.450.000	119.737.064	73.287.064	46.450.000	21.370.606	20.120.159		
3	Nguồn xổ số kiến thiết	376.783	455.000	205.000	250.000	500.000	250.000	250.000	123.217	45.000		
4	Vốn vay	238.623	2.865.723	2.865.723	0	21.135.693	21.135.693	0	20.897.070	18.269.970		
5	Nguồn vốn khác	11.269.571	8.379.644	8.379.644	0	0	0	0	-11.269.571	-8.379.644		

PHỤ LỤC II: DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 44-NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Cho ý kiến (lần 1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Tăng/Giảm			Ghi chú
		Tổng số	Đông Hải Phòng	Tây Hải Phòng	Tổng số	Đông Hải Phòng	Tây Hải Phòng	Dự kiến (lần 2) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	So với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	So với Dự kiến (lần 1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	148.813.939	93.717.069	55.096.870	152.103.513	92.420.754	60.000.000	198.345.113	49.531.174	46.241.600	
I	Các dự án bố trí nguồn ngân sách trung ương	10.866.451	5.533.750	5.332.701	13.033.750	5.533.750	7.500.000	12.500.000	1.633.549	-533.750	Chỉ tiết tại Phụ lục III, IV
II	Bố trí cho các dự án thành phố	71.681.726	51.663.578	20.018.148	81.961.511	61.625.519	20.335.992	125.385.343	53.703.617	43.423.832	
1	Các dự án thực hiện từ giai đoạn trước, chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	0			14.962.547	14.962.547		28.093.908	28.093.908	13.131.361	Chỉ tiết tại Phụ lục III
2	Các dự án dự kiến phê duyệt chủ trương đầu tư, thực hiện trong giai đoạn 2026-2030	0			46.662.973	46.662.973		97.291.435	97.291.435	50.628.463	Chỉ tiết tại Phụ lục IV
III	Nhiệm vụ, chương trình khác của thành phố	65.694.613	36.519.740	29.174.873	51.858.252	25.261.485	26.914.008	54.509.770	-9.514.832	2.651.518	
I	Ghi thu - ghi chi tiền đất	5.331.381	5.331.381	0	5.281.381	5.281.381		5.331.381	0	50.000	Dự kiến bằng trung hạn giai đoạn 21-25 (vận dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Đầu tư công)
2	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện và phân cấp cho cấp dưới	39.100.932	12.517.121	26.583.811	43.845.411	17.478.644	26.366.767	39.100.932	0	-4.744.479	Dự kiến bằng trung hạn giai đoạn 21-25 (vận dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Đầu tư công), do chưa có quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030
3	Chương trình Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	15.044.743	14.663.743	381.000	2.378.852	2.378.852	0	878.848	-14.165.895	-1.500.004	
4	Vốn cho công tác quy hoạch	57.561	57.561	0	0	0		0	-57.561	0	
5	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với Cách mạng	270.090	270.090	0	0	0		0	-270.090	0	Dự kiến bố trí từ kinh phí chi thường xuyên



STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Cho ý kiến (lần 1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Tăng/Giảm			Ghi chú
		Tổng số	Đông Hải Phòng	Tây Hải Phòng	Tổng số	Đông Hải Phòng	Tây Hải Phòng	Dự kiến (lần 2) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	So với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	So với Dự kiến (lần 1) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
6	Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021 - 2025	719.101	719.101	0	0	0		0	-719.101		0	Chương trình thực hiện theo giai đoạn 2021-2025	
7	Các chương trình, đề án (giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, xây dựng trụ sở cấp xã, thiết chế văn hóa, thể thao khu dân cư,...)							5.000.000	5.000.000	5.000.000			
8	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách và ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội	2.679.494	670.290	2.009.204	352.608	122.608	230.000	4.198.608	1.519.114	3.846.000		Chi tiết tại Phụ lục V	
-	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	1.759.204	50.000	1.709.204	352.608	122.608	230.000	352.608	-1.406.596	0			
-	Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố để cho vay ưu đãi một số hoạt động	920.290	620.290	300.000	0	0	0	3.846.000	2.925.710	3.846.000			
9	Hoàn trả vay ứng Ngân sách trung ương Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng	400.000	400.000		0	0		0	-400.000		0		
10	Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường GPMB tái định cư phục vụ Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố	220.442	220.442		0	0		0	-220.442		0		
11	Trả nợ gốc vốn vay	200.857		200.857			317.241	0	-200.857		0		
12	Thanh toán hoàn trả chi phí nhà đầu tư dự án PPP	1.670.011	1.670.011						-1.670.011		0		
IV	Dự phòng còn lại chưa phân bổ	571.149	0	571.149	5.250.000	0	5.250.000	5.950.000	5.378.851	700.000		Luật Đầu tư công năm 2024 không quy định mức trích dự phòng trung hạn. Dự kiến dự phòng trung hạn 26- 30 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, lấy mức 3% (trung khoảng 2-5% tổng nguồn vốn trung hạn)	

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP BỎ TRÍ SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số **44**/NQ-HĐND ngày **25** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
		Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
				Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
	133	TỔNG SỐ	68.622.934	4.749.619	63.873.315	35.779.407	29.786.212	1.692.304	28.093.908
A	133	Chi tiết theo lĩnh vực đầu tư	0	0	0	0	29.786.212	1.692.304	28.093.908
1	42	Giao thông					19.543.013	1.692.304	17.850.709
2	12	Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị					6.288.770	0	6.288.770
3	17	Y tế, dân số và gia đình					1.192.605	0	1.192.605
4	30	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					820.122	0	820.122
5	2	Cấp nước, thoát nước					507.839	0	507.839
6	5	Văn hóa, thông tin					398.830	0	398.830
7	9	Quốc phòng, An ninh và Trật tự an toàn xã hội					357.535	0	357.535
8	1	Bảo vệ môi trường					308.598	0	308.598
9	7	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					183.083	0	183.083
10	2	Bảo đảm xã hội					126.623	0	126.623
11	4	Quản lý nhà nước					31.170	0	31.170
12	1	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					20.704	0	20.704
13	1	Khoa học, công nghệ					7.320	0	7.320
B	133	Chi tiết danh mục các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026-2030	68.622.934	4.749.619	63.873.315	35.779.407	29.786.212	1.692.304	28.093.908
B.1	43	PHÍA ĐÔNG HẢI PHÒNG	46.672.364	3.279.619	43.392.745	26.204.694	18.880.355	1.692.304	17.188.051
I	16	Các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư	33.867.680	3.279.619	30.588.061	22.408.755	9.871.609	1.692.304	8.179.305
I.1	5	Lĩnh vực Quốc phòng, An ninh và Trật tự an toàn xã hội	1.289.548	180.000	1.109.548	883.278	226.270	0	226.270



STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
					NSTW giao địa phương					
1	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng	331/QĐ-BQP, 27/01/2023	360.000	180.000	180.000	140.000	40.000		40.000
2	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của trung đoàn bộ 238/Đ363 và khu đất doanh trại của sư đoàn 363 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	4521/QĐ-UBND, 03/12/2024	324.272		324.272	267.159	57.114		57.114
3	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đất thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân	4495/QĐ-UBND, 29/11/2024	337.236		337.236	251.161	86.075		86.075
4	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu đất trần địa dự bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không - không quân	4533/QĐ-UBND, 03/12/2024	145.315		145.315	115.608	29.707		29.707
5	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất trần địa chính thức của cPPK172/e240 và TLđ72/e285 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	4532/QĐ-UBND, 03/12/2024	122.726		122.726	109.350	13.375		13.375
1.2	1	Lĩnh vực Bảo vệ môi trường		1.030.226	0	1.030.226	721.628	308.598	0	308.598
1	1	Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải, hệ thống tín hiệu giao thông và công viên ven sông từ đường ven sông Cẩm đến đường đê tả sông Cẩm	881/QĐ-UBND, 25/3/2022; 2025/QĐ-UBND, 17/7/2023	1.030.226		1.030.226	721.628	308.598		308.598
1.3	2	Lĩnh vực Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị		11.545.464	0	11.545.464	10.067.040	1.478.423	0	1.478.423
1	1	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Hòa Đông, xã Lâm Đông phục vụ giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn thành phố	883/QĐ-UBND, 05/4/2023	678.679		678.679	410.000	268.679		268.679

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Nghân sách trung ương	Nghân sách thành phố
2	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cẩm	2008/QĐ-UBND 15/9/2016 2632/QĐ-UBND 10/10/2018 223/QĐ-UBND 20/01/2021	10.866.785			10.866.785	9.657.040	1.209.745	1.209.745
1.4	7	Lĩnh vực Giao thông		19.767.903	3.099.619	16.668.284	10.549.330	7.811.258	1.692.304	6.118.954
1	1	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoàn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024; 31/NQ-HĐND 17/6/2025	8.593.119			8.593.119	4.377.908	4.215.211	4.215.211
2	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10, huyện Vĩnh Bảo	889/QĐ-UBND, 05/4/2023	1.382.964			1.382.964	1.066.630	316.334	316.334
3	1	Dự án cải tạo hệ, đường Nguyễn Bình Khiêm, Lê Lợi và một số tuyến đường nội đô thành phố	03/NQ-HĐND, 18/4/2023	434.008			434.008	347.206	86.802	86.802
4	1	Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Đông Nam quận Hải An đoạn từ khu vực chân cầu Rào đến vị trí giao với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	587/QĐ-UBND 04/9/2009; 1195/QĐ-UBND 31/7/2012; 1041/QĐ-UBND, 12/6/2013; 2290/QĐ-UBND, 13/10/2016; 1884/QĐ-UBND, 05/7/2021; 3916/QĐ-UBND, 22/11/2022	2.066.540	579.215	1.487.325	726.228	761.097		761.097
5	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính giao thông Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	936/QĐ-BQL 18/7/2013; 1303/QĐ-BQL 11/7/2017	992.070	828.100	163.970	0	163.970		163.970
6	1	Dự án cải tạo, mở rộng đường Điện Biên Phủ (đoạn từ đường Lý Tự Trọng đến đường Trần Hưng Đạo), phường Minh Khai, quận Hồng Bàng	2414/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	63.608			63.608	2.000	61.608	61.608
7	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận	49/NQ-HĐND, 22/12/2020 34/NQ-HĐND, 12/8/2021 36/NQ-HĐND, 20/7/2022	6.235.594	1.692.304	4.543.290	4.029.358	2.206.236	1.692.304	513.932
1.5	1	Lĩnh vực văn hóa, thông tin		234.539	0	234.539	187.479	47.060	0	47.060

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
					NSTW giao địa phương					
I	I	Dự án đầu tư tu bổ tôn tạo quần thể di tích Bến K15, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn	2381/QĐ-UBND, 12/7/2024	234.539		234.539	187.479	47.060		47.060
II	27	Các dự án mới đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư		12.804.684	0	12.804.684	3.795.938	9.008.745	0	9.008.745
II.1	I	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng, an toàn trật tự xã hội		295.300	0	295.300	192.590	102.710	0	102.710
I	I	Dự án Xây dựng doanh trại và nơi neo đậu, tránh trú cho các tàu thuyền thuộc Hải đội dân quân thường trực	11/NQ-HĐND, 22/3/2024	295.300		295.300	192.590	102.710		102.710
II.2	I	Quản lý nhà nước		39.893	0	39.893	15.000	24.893	0	24.893
I	I	Hỗ trợ chi phí đầu tư Dự án xây dựng nhà làm việc, hội trường đa chức năng và công trình phụ trợ Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng	Đang chờ VKSND phê duyệt DA	39.893		39.893	15.000	24.893		24.893
II.3	3	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		442.727	0	442.727	103.857	338.870	0	338.870
I	I	Dự án Đầu tư xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Cát Hải	1506/QĐ-UBND, 15/5/2025	113.137		113.137	30.000	83.137		83.137
2	1	Dự án DTXD Trường THPT chuyên Trần Phú (Giai đoạn 3)	CTDT: 1837/QĐ-UBND, 13/6/2025	174.243		174.243	20.000	154.243		154.243
3	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường Chính trị Tô Hiệu đạt chuẩn	02/NQ-HĐND, 02/01/2025; 1638/QĐ-UBND, 29/5/2025	155.348		155.348	53.857	101.491		101.491
II.4	3	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình		271.823	0	271.823	106.122	165.701	0	165.701
I	I	Dự án đầu tư xây dựng Nhà Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực – Chống độc – Ngoại thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo	54/NQ-HĐND, 19/7/2024; 4509/QĐ-UBND, 02/12/2024	73.760		73.760	50.000	23.760		23.760

STT Chương án / trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
		Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
				Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
2	1	Dự án khu nhà khám bệnh, liên chuyên khoa thuộc Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng	56/NQ-HĐND, 19/7/2024; 63/4/QĐ-UBND, 28/02/2025	64.929		64.929	31.122	33.807	33.807
3	1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên – Giai đoạn I	55/NQ-HĐND, 19/7/2024; 1220/QĐ-UBND, 18/4/2025	133.134		133.134	25.000	108.134	108.134
II.5	8	Lĩnh vực Giao thông		4.369.488	0	4.369.488	905.472	3.464.016	3.464.016
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sau các bến cảng số 3 đến số 6, khu bến cảng Lạch Huyện	10/NQ-HĐND, 22/3/2024; 4875/QĐ-UBND, 25/12/2024	716.495		716.495	216.380	500.115	500.115
2	1	Dự án xây dựng tuyến đường trục giao thông nối Khu công nghiệp Đình Vũ với Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (giai đoạn II) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	50/NQ-HĐND, 19/7/2024; 4527/QĐ-UBND, 03/12/2024	189.904		189.904	105.000	84.904	84.904
3	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đề mới thay thế tuyến đề hữu Lạch Tray đoạn từ Km14+350 đến Km16+100, huyện An Lão	1455/QĐ-UBND, 09/5/2025	163.586		163.586	130.420	33.166	33.166
4	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Khu đô thị Bắc sông Cấm tới đường Khu công nghiệp VSIP sang đảo Vũ Yên	2365/QĐ-UBND, 27/6/2025	1.059.265		1.059.265	255.000	804.265	804.265
5	1	Địa bàn các xã Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, thành phố Hải Phòng (Huyện Kiến Thụy cũ)	2807/QĐ-UBND, 07/7/2025	2.091.136		2.091.136	400.000	1.691.136	1.691.136
6	1	Địa bàn quận Hải An cũ		68.000		68.000	68.000	0	0
7	1	Địa bàn quận Dương Kinh cũ		1.346.000		1.346.000	860.000	486.000	486.000
8	1	Địa bàn quận Đồ Sơn cũ		72.779		72.779	72.779	0	0
9	1	Địa bàn huyện An Lão cũ		1.896.000		1.896.000	600.000	1.296.000	1.296.000
10	1	BQLDA DTXD các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng		771.908		771.908	300.000	471.908	471.908

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
5	1	Dự án mở rộng tuyến đường Lý Thái Tổ và chỉnh trang đô thị Khu 1 Đồ Sơn	59/NQ-HĐND, 19/7/2024	300.584		300.584	99.609	200.975		200.975
6	1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Võ Nguyên Giáp	CTBDT: 1441/QĐ-UBND, 07/5/2025	797.009		797.009	39.860	757.149		757.149
7	1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Lê Hồng Phong	CTBDT: 1440/QĐ-UBND, 07/5/2025	785.986		785.986	39.203	746.783		746.783
8	1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đê hữu Kinh Thầy, đê hữu Đá Bạc, huyện Thủy Nguyên	CTBDT: 1668/QĐ-UBND, 02/6/2025	356.659		356.659	20.000	336.659		336.659
II.6	1	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		130.073	0	130.073	40.000	90.073	0	90.073
1	1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đê biển III, huyện Tiên Lãng	CTBDT: 1033/QĐ-UBND, 31/3/2025	130.073		130.073	40.000	90.073		90.073
II.7	7	Lĩnh vực Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị		6.602.500	0	6.602.500	2.329.469	4.273.031	0	4.273.031
1	5	Dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, xây dựng ác khu tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (trên địa bàn phía Đông Hải Phòng)	Các địa phương đang hoàn thiện thủ tục phê duyệt các DA giải phóng mặt bằng	5.860.000		5.860.000	2.000.779	3.859.221		3.859.221
2	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền	58/NQ-HĐND, 19/7/2024; 1613/QĐ-UBND, 28/5/2025	582.864		582.864	280.800	302.064		302.064

STT Số dự án / Chương trình			Tên dự án			Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn				
						Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30			
								Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
3	1	Dự án thành phần xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ di chuyển các đơn vị Hải quân thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu bay - Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi (giai đoạn 2)	CTDT: 1050/QĐ-UBND, 01/4/2025	159.636			159.636	47.890	111.746		111.746			
II.8	2	Lĩnh vực Cấp nước, thoát nước		566.198	0		566.198	58.359	507.839	0	507.839			
1	1	Dự án xây dựng, nâng cao năng lực thoát nước mưa tại khu vực Trung Lực, Lực Hành, Nguyễn Đồn, phường Đằng Lâm, quận Hải An	1961/QĐ-UBND, 23/6/2025	116.934			116.934	38.359	78.575		78.575			
2	1	Dự án đầu tư xây dựng các công dưới bề xung yếu, kèm ổn định	CTDT: 1669/QĐ-UBND, 02/6/2025	449.264			449.264	20.000	429.264		429.264			
II.9	1	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình		86.682	0		86.682	45.069	41.613	0	41.613			
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố	1637/QĐ-UBND, 29/5/2025	86.682			86.682	45.069	41.613		41.613			
B.2	90	PHÍA TÂY HẢI PHÒNG		21.950.570	1.470.000		20.480.570	9.574.713	10.905.857	0	10.905.857			
I	3	Lĩnh vực Quốc phòng, An ninh và Trật tự an toàn xã hội		872.570	370.000		502.570	474.015	28.555		28.555			
1	1	Cải tạo, sửa chữa Tiểu đoàn Bộ binh 2, Trung đoàn Bộ binh 125, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	84/NQ-HĐND; 18/10/2024	20.570			20.570	19.500	1.070		1.070			
2	1	Xây dựng trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 1)	14/NĐ-HĐND; 29/09/2023	112.000			112.000	99.285	12.715		12.715			
3	1	Xây dựng trụ sở Công an tỉnh (địa điểm mới)	7901; 20/11/2023	740.000	370.000		370.000	355.230	14.770		14.770			
II	27	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		814.721	0		814.721	333.468	481.252		481.252			
1	1	Xây dựng mới nhà lớp học, nhà hiệu bộ; cải tạo nhà lớp học cũ trường THPT Bình Giang, huyện Bình Giang	49/NQ-HĐND, 08/12/2021; 85/NQ-HĐND, 08/12/2023	67.007			67.007	40.800	26.207		26.207			

STT Số dự án / Chương trình			Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
				Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
						Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
					NSTW giao địa phương						
2	1	Nâng tầng 3, 4 Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (móng 4 tầng), xây mới nhà lớp học 4 tầng 8 phòng, lớp mái tôn nhà lớp học bộ môn 4 tầng, phá dỡ nhà lớp học bộ môn cũ 3 tầng Trường Trung học phổ thông Kinh Môn, thị xã Kinh Môn	49/NQ-HĐND, 08/12/2021	14.673		14.673	14.000	673		673	
3	1	Đầu tư xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - Trường THPT Ninh Giang	39/NQ-HĐND; 29/10/2021	14.954		14.954	14.825	129		129	
4	1	Đầu tư xây dựng Nhà lớp học bộ môn 03 tầng trường THPT Tuệ Tĩnh, huyện Cẩm Giàng	49/NQ-HĐND, 08/12/2021; 13/NQ-HĐND, 09/5/2023	18.062		18.062	17.500	562		562	
5	1	Đầu tư xây dựng mới 02 nhà lớp học bộ môn, nhà thư viện; Cải tạo, sửa chữa các nhà lớp học cũ của Trường THPT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	49/NQ-HĐND, 08/12/2021; 69/NQ-HĐND, 06/11/2023	30.074		30.074	29.000	1.074		1.074	
6	1	Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng Trường Trung học phổ thông Nam Sách, huyện Nam Sách	49/NQ-HĐND, 08/12/2021; 67/NQ-HĐND, 06/11/2023	16.108		16.108	15.000	1.108		1.108	
7	1	Trường THPT Nhị Chiểu (địa điểm mới - giai đoạn 2)	16/NQ-HĐND; 24/6/2022	43.872		43.872	38.843	5.029		5.029	
8	11	Xây dựng, cải tạo 11 Trường THPT	81/NQ-HĐND; 08/12/2023	242.700		242.700	54.500	188.200		188.200	
9	1	Xây dựng Trường Trung cấp văn hóa, nghệ thuật và du lịch	80/NQ-HĐND; 08/12/2023	41.200		41.200	38.000	3.200		3.200	
10	1	Xây dựng Giảng đường thuộc Trường Đại học Hải Dương	29/NQ-HĐND; 24/4/2024	100.000		100.000	22.000	78.000		78.000	
11	1	Xây dựng trung tâm bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Hải Dương	30/NQ-HĐND; 24/4/2024	40.000		40.000	9.000	31.000		31.000	

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
12	3	Xây dựng 03 Trường trung học phổ thông tỉnh Hải Dương (trường THPT Hà Đông, huyện Thanh Hà; trường THPT Cẩm Giàng 2, huyện Cẩm Giàng; trường THPT Kim Thành, huyện Kim Thành)	28/NQ-HĐND; 24/4/2024	85.000			85.000	20.000	65.000	65.000
13	3	Xây dựng, cải tạo Trường trung học phổ thông Nguyễn Du, Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hải Dương và Trường trung học phổ thông Chí Linh, thành phố Chí Linh	87/NQ-HĐND; 18/10/2024	101.070			101.070	20.000	81.070	81.070
III	13	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình		1.839.196	0	1.839.196	853.906	985.291		985.291
1	1	Đầu tư xây dựng mới Nhà điều trị bệnh tâm căn và người bệnh cao tuổi, Bệnh viện Tâm thần Hải Dương	49/NQ-HĐND, 08/12/2021	14.262			14.262	14.000	262	262
2	1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương giai đoạn II (Khởi điều trị nội trú và dịch vụ tổng hợp)	64/NQ-HĐND, 28/12/2021	239.632			239.632	230.000	9.632	9.632
3	1	Xây dựng nhà khoa nhi, khoa ngoại, khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản, khoa nội và hạ tầng kỹ thuật + phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	76/NQ-HĐND; 08/12/2023	95.000			95.000	30.700	64.300	64.300
4	1	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện phổi Hải Dương - Hạng mục: Nhà điều trị bệnh nhân lao phổi AFB, lao ngoài phổi và lao/HIV (khoa hồi sức cấp cứu); Nhà hô hấp cấp cứu 02 tầng (khoa ung bướu) và Nhà điều trị lao phổi A	51/NQ-HĐND; 29/9/2023	9.157			9.157	8.500	657	657
5	1	Mua sắm trang thiết bị y tế tại 04 bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phụ sản)	50/NQ-HĐND; 29/9/2023	360.000			360.000	357.027	2.973	2.973

STT Số dự án / Chương trình			Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn					
				Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30				
						Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương		NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
6	4	Xây dựng, cải tạo nâng cấp 04 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Hải Dương	78; 08/12/2023;	297.721		297.721	36.678	261.043		261.043			
7	3	Xây dựng, cải tạo nâng cấp 03 Bệnh viện tuyến tỉnh	77/NQ-HĐND; 08/12/2023	86.624		86.624	27.000	59.624		59.624			
8	1	Xây mới các khối nhà: cấp cứu, nghiệp vụ kỹ thuật và cận lâm sàng; nghiệp vụ kỹ thuật, cận lâm sàng và nội trú; khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú, Bệnh viện Đa khoa tỉnh	22/NQ-HĐND; 24/4/2024	736.800		736.800	150.000	586.800		586.800			
IV	4	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin		547.500	0	547.500	195.730	351.770		351.770			
1	1	Xây dựng Tuyến dài Tiếng sấm đường 5	2804, 30/10/2015; 14/NQ-HĐND, 25/7/2020	56.500		56.500	55.730	770		770			770
2	1	Tu bổ, xây dựng hạ tầng đền Kiếp Bạc - Hạng mục: sân lễ hội, bãi xe; bến thuyền; chợ sông Thương	79/NQ-HĐND; 08/12/2023	98.000		98.000	50.000	48.000		48.000			48.000
3	1	Cải tạo, tu bổ núi Mâm Xôi và Hồ phía Bắc đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh	24/NQ-HĐND; 24/4/2024	193.000		193.000	50.000	143.000		143.000			143.000
4	1	Đầu tư xây dựng đền thờ liệt sĩ và công viên văn hóa tỉnh Hải Dương	58/NQ-HĐND, 12/8/2024	200.000		200.000	40.000	160.000		160.000			160.000
V	1	Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình, thông tin		21.600	0	21.600	896	20.704		20.704	0		20.704
1	1	Nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật công nghệ phát thanh, truyền hình	25/NQ-HĐND; 24/4/2024	21.600		21.600	896	20.704		20.704			20.704
VI	6	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		507.722	0	507.722	414.712	93.010		93.010	0		93.010
1	1	Cải tạo, nâng cấp công trình đê điều để địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025	43/NQ-HĐND, 29/10/2021; 12/NQ-HĐND, 09/5/2023	139.403		139.403	131.720	7.683		7.683			7.683

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
2	1	Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025	44/NQ-HĐND; 29/10/2021	167.699			167.699	118.792	48.907	48.907
3	1	Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Vạn Thắng, thành phố Chí Linh	60/NQ-HĐND, 06/11/2023	36.019			36.019	24.700	11.319	11.319
4	1	Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Chu Đậu, huyện Nam Sách	61/NQ-HĐND, 06/11/2023	60.046			60.046	54.000	6.046	6.046
5	1	Sửa chữa, cải tạo trạm bơm Ngọc Trì, huyện Nam Sách	62/NQ-HĐND, 06/11/2023	59.555			59.555	43.500	16.055	16.055
6	1	Xử lý sự cố đê điều trên địa bàn huyện Nam Sách và huyện Thanh Hà	27/NQ-HĐND; 02/6/2023	45.000			45.000	42.000	3.000	3.000
VII	27	Lĩnh vực Giao thông		15.846.671	1.000.000	14.846.671	6.578.930	8.267.740	0	8.267.740
1	1	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	4241; 15/11/2018	46.453			46.453	32.113	14.339	14.339
2	1	Đầu tư xây dựng cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu, kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	275/NQ-HĐND; 02/4/2024	519.134			519.134	319.134	200.000	200.000
3	1	Đầu tư xây dựng cầu Cây thuộc tuyến đường tránh đường tỉnh 394	63/NQ-HĐND, 28/12/2021	202.980			202.980	149.030	53.950	53.950
4	1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn nối từ đường tỉnh 395 đến đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện)	61/NQ-HĐND, 28/12/2021	1.208.415			1.208.415	565.380	643.035	643.035
5	1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km 29+325	09/NQ-HĐND, 29/4/2022; 16/NQ-HĐND, 24/4/2024	274.770			274.770	196.030	78.740	78.740

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
					NSTW giao địa phương					
6	1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	62/NQ-HĐND, 28/12/2021	421.189		421.189	324.000	97.189		97.189
7	1	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Hải Hưng kết nối tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên	07/NQ-HĐND; 20/3/2023	60.000		60.000	30.000	30.000		30.000
8	1	Đầu tư xây dựng đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (1/2 tuyến bên trái từ ngã ba An Lĩnh đến ngã ba đầu Ròng)	06/NQ-HĐND; 20/3/2023	564.050		564.050	341.000	223.050		223.050
9	1	Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương	57/NQ-HĐND, 06/11/2023	1.867.000	1.000.000	867.000	144.500	722.500		722.500
10	1	Cầu vượt sông Kinh Môn và đường dẫn nối nút giao lập thể với Quốc lộ 5	25/NQ-HĐND; 02/6/2023	600.000		600.000	435.877	164.123		164.123
11	1	Xây dựng đường dẫn cầu Cây mới và đường 33m kéo dài (qua địa phận huyện Cẩm Giàng) nối đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương	26/NQ-HĐND; 02/6/2023	469.478		469.478	215.000	254.478		254.478
12	1	Đầu tư xây dựng cầu Tân An và đường dẫn nối Quốc lộ 18, thành phố Chí Linh	24/NQ-HĐND; 02/6/2023	600.000		600.000	337.500	262.500		262.500
13	1	Tuyến đường ven đê sông luộc đoạn từ đường tỉnh 396B đến đê Nhích Thừa Dụ	106/NQ-HĐND; 11/12/2024	58.413		58.413	14.000	44.413		44.413
14	1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	17/NQ-HĐND; 24/6/2022	846.420		846.420	452.809	393.611		393.611
15	1	Đường tránh Quốc lộ 37 đoạn qua thị trấn Gia Lộc (đoạn nối cầu Thống Nhất/Quốc lộ 37 với đường vành đai I thành phố Hải Dương)	20/NQ-HĐND; 24/4/2024	612.160		612.160	231.000	381.160		381.160
16	1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393, đoạn từ Km10+180-Km20+050 (từ cống Ba Đa đến cầu Từ Ô)	19/NQ-HĐND; 24/4/2024	176.000		176.000	102.200	73.800		73.800

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
17	1	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 17B với cầu Dinh, thị xã Kinh Môn	18/NQ-HĐND; 24/4/2024	248.000			248.000	185.000	63.000	63.000
18	1	Đường gom dọc Quốc lộ 5 phải tuyến từ ngã tư Ghè đi Ngã tư Lai Cách (Km40+240-Km43+870) các đoạn còn lại và từ Khu đô thị thương mại Lai Cách đến hết Công ty giấy Cẩm Bình bên trái tuyến (Km44+205-Km44+795)	75/NQ-HĐND; 18/10/2024	345.221			345.221	100.000	245.221	245.221
19	1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	08/NQ-HĐND; 29/4/2022	1.392.670			1.392.670	367.601	1.025.069	1.025.069
20	1	Đầu tư xây dựng tuyến đường và cầu Vân kết nối Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh với đường dẫn cầu Triều, thị xã Kinh Môn	18/NQ-HĐND; 24/6/2022	1.296.200			1.296.200	633.376	662.824	662.824
21	1	Đầu tư xây dựng đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ đường 62m (Đai lộ Võ Nguyên Giáp) đến Khu công nghiệp Đai An mở rộng	17/NQ-HĐND; 24/4/2024	436.300			436.300	160.000	276.300	276.300
22	1	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ Quốc lộ 17B đến đê sông Kinh Thầy, thị xã Kinh Môn	44/NQ-HĐND; 12/7/2024	785.133			785.133	304.171	480.962	480.962
23	1	Xây dựng cầu vượt sông Thái Bình và đường dẫn thuộc tuyến đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390C	62/NQ-HĐND, 12/8/2024	1.228.240			1.228.240	340.000	888.240	888.240
24	1	Xây dựng một số đoạn đường gom phía Bắc Quốc lộ 5 trên địa bàn huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	63/NQ-HĐND, 12/8/2024	400.000			400.000	85.000	315.000	315.000

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
					NSTW giao địa phương					
25	1	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn từ Quốc lộ 5 đến cầu qua sông Sắt)		147.400		147.400	94.637	52.763		52.763
26	1	Đầu tư xây dựng đường trục Bắc - Nam, huyện Thanh Miện (giai đoạn 1)		397.810		397.810	369.573	28.237		28.237
27	1	Đầu tư xây dựng, mở rộng đường Nguyễn Trãi và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - khu vực 1 (Diamond Land)	42/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	643.235		643.235	50.000	593.235		593.235
VIII	3	Lĩnh vực Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị		703.135	0	703.135	165.820	537.315	0	537.315
1	1	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện chiếu sáng, chiếu sáng mỹ thuật, cây xanh, vỉa hè đường Trường Chinh, đại lộ Võ Nguyên Giáp trên địa bàn thành phố Hải Dương và huyện Gia Lộc	02; 01/03/2024	88.565		88.565	70.300	18.265		18.265
2	1	Đầu tư xây dựng tuyến đường nội bộ và GPMB khu đô thị trung tâm thành phố - Khu vực 2	45/NQ-HĐND ngày 20/12/2024	70.720		70.720	40.720	30.000		30.000
3	1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và GPMB khu trung tâm phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương - Khu vực 1	1089/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	543.850		543.850	54.800	489.050		489.050
IX	1	Lĩnh vực Khoa học, công nghệ		31.250	0	31.250	23.930	7.320	0	7.320
1	1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2016-2020		31.250		31.250	23.930	7.320		7.320
X	3	Lĩnh vực Quản lý nhà nước		94.583	0	94.583	88.306	6.277	0	6.277
1	1	Nâng cấp, cải tạo và sửa chữa nhà khách Bạch Đằng	34/NQ-HĐND, 12/7/2021; 84/NQ-HĐND, 08/12/2023	60.280		60.280	56.306	3.974		3.974

STT	Số dự án / Chương trình	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án				Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
			Số Nghị quyết/Quyết định	Tổng số	Trong đó		KH trung hạn 21-25 (NSDP và nguồn đóng góp của doanh nghiệp)	KH trung hạn 26-30		
					Do thành phố quản lý	NSTW giao địa phương		Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố
2	1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở cũ của Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh để bố trí lại trụ sở làm việc của một số đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Trung tâm trợ giúp pháp lý (Sở Tư pháp)	52/NQ-HĐND; 29/9/2023	20.000			20.000	18.500	1.500	1.500
3	1	Sửa chữa, cải tạo công trình Trụ sở Bảo Hải Dương	09/NQ-HĐND; 09/5/2023	14.303			14.303	13.500	803	803
XI	2	Lĩnh vực Bảo đảm xã hội		671.623		100.000	571.623	445.000	126.623	126.623
1	1	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới)	25/NQ-HĐND; 02/6/2023	379.322		100.000	279.322	245.000	34.322	34.322
2	1	Khu chung cư Tạ Quang Bửu, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương	59/NQ-HĐND, 06/1/2023	292.301			292.301	200.000	92.301	92.301



PHỤ LỤC IV: DỰ ÁN ĐẦU TƯ MÔI, TRIỂN KHAI THỰC TRONG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số **44** /NQ-HĐND ngày **25** tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
	144	TỔNG SỐ	108.099.132	10.807.696	97.291.436	
A	144	Chi tiết theo lĩnh vực đầu tư	108.099.132	10.807.696	97.291.436	
1	54	Giao thông	60.662.657	7.500.000	53.162.657	54,64%
2	27	Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	12.322.610	0	12.322.610	12,67%
3	6	Bảo vệ môi trường	14.211.025	3.307.696	10.903.329	11,21%
4	7	Khoa học, công nghệ	5.950.000	0	5.950.000	6,12%
5	13	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	5.520.000	0	5.520.000	5,67%
6	6	Y tế, dân số và gia đình	2.384.900	0	2.384.900	2,45%
7	2	Thể dục, thể thao	1.702.000	0	1.702.000	1,75%
8	17	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	1.544.100	0	1.544.100	1,59%
9	1	Cấp nước, thoát nước	1.347.940	0	1.347.940	1,39%
10	4	Quốc phòng, An ninh và Trật tự an toàn xã hội	1.250.800	0	1.250.800	1,29%
11	5	Văn hóa, thông tin	662.100	0	662.100	0,68%
12	1	Quản lý nhà nước	452.000	0	452.000	0,46%

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
13	1	Bảo đảm xã hội	89.000	0	89.000	0,09%
B	144	Chi tiết danh mục các dự án dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026-2030	108.099.132	10.807.696	97.291.436	
I	50	Các dự án trọng điểm đầu tư trong giai đoạn 2026-2030	71.821.309	6.810.225	65.011.084	
I.1	1	Dự án trọng điểm quốc gia	5.100.000	0	5.100.000	
I	1	Đầu tư xây dựng nhánh đường sắt đi cảng Nam Đồ Sơn, chiều dài khoảng 12km và ga Nam Đồ Sơn	5.100.000		5.100.000	
I.2	49	Các Dự án trọng điểm thành phố Hải Phòng	66.721.309	6.810.225	59.911.084	
I.2.1	2	Các Dự án đã có Quyết định chủ trương đầu tư / phê duyệt dự án	9.107.000	0	9.107.000	
I.2.1.a	2	Lĩnh vực giao thông	9.107.000	0	9.107.000	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua thị trấn Vĩnh Bảo	3.800.000		3.800.000	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An	5.307.000		5.307.000	
I.2.2	13	Các Dự án đã có báo cáo thẩm định	13.061.656	0	13.061.656	
I.2.2.a	1	Cấp nước, thoát nước	1.347.940	0	1.347.940	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ra đảo Cát Bà	1.347.940		1.347.940	
I.2.2.b	6	Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	1.968.614	0	1.968.614	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
1	1	Chỉnh trang sông Đào Hạ Lý từ cầu Thượng Lý đến cầu Tam Bạc, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng	579.780		579.780	
2	1	Dự án xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quảng trường phía trước Trung tâm Chính trị - Hành Chính thành phố tại Khu đô thị Bắc sông Cấm	634.000		634.000	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình tại các quỹ đất chung cư cũ sau khi phá dỡ trên địa bàn quận Kiến An	150.000		150.000	
4	1	Dự án đầu tư xây dựng Công viên Tượng đài Chiến thắng Cát Bi tại Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	119.650		119.650	
5	1	Dự án Xây dựng công trình tại khu chung cư cũ sau khi phá dỡ, phường Phan Bội Châu quận Hồng Bàng	377.184		377.184	
6	1	Dự án sử dụng quỹ đất tại các chung cư cũ sau khi phá dỡ trên địa bàn Quận Ngô Quyền	108.000		108.000	
I.2.2.c	3	Giao thông	8.091.030	0	8.091.030	
1	1	Dự án ĐTXD tuyến đường cầu Rào 3 từ đường Bùi Viện đến đường bộ ven biển	3.858.841		3.858.841	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Hồ Sen đến nút giao Quán Mau	1.318.000		1.318.000	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.354 đến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng trên địa bàn huyện Tiên Lãng	2.914.189		2.914.189	
I.2.2.d	1	Khoa học, công nghệ	250.000	0	250.000	
1	1	Số hóa hệ thống dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố	250.000		250.000	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
I.2.2.d	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				
			886.000	0	886.000	
1	1	Dự án Nâng cấp hệ thống kè biển, vỉa hè và mở rộng đường giao thông trong Khu du lịch Đồ Sơn	886.000		886.000	
I.2.2.e	1	Bảo vệ môi trường				
			518.072	0	518.072	
1	1	Dự án củng cố tuyến mương An Kim Hải trên địa bàn quận Lê Chân và An Dương thành phố Hải Phòng	518.072		518.072	
I.2.3	34	Các Dự án đã có chỉ đạo thực hiện	44.552.653	6.810.225	37.742.428	
I.2.3.a	5	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				
			2.500.000	0	2.500.000	
1	1	Cải tạo, nâng cấp đề kết hợp làm đường giao thông tuyến đề hữu Thái Bình xã Tuệ Tĩnh, phường Việt Hòa, phường Thành Đông	700.000		700.000	
2	1	Cải tạo, nâng cấp đề kết hợp làm đường giao thông tuyến đề hữu Thái Bình phường Hải Dương, phường Tân Hưng, xã Đại Sơn và xã Chí Minh	600.000		600.000	
3	1	Cải tạo, nâng cấp đề kết hợp làm đường giao thông tuyến đề hữu Lai Vu và hữu Kinh Thầy xã An Phú, phường Ái Quốc, xã Trần Phú, xã An Phú	280.000		280.000	
4	1	Dự án Cải tạo, nâng cấp kè sông Sặt đoạn từ Cầu Cát đến Cầu Cây	820.000		820.000	
5	1	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, trạm bơm	100.000		100.000	
I.2.3.b	3	Bảo vệ môi trường	7.382.350	1.987.905	5.394.445	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
1	1	Dự án xử lý nước thải tại các đô thị trung tâm	696.000		696.000	
2	1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đê điều và phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu	60.000		60.000	
3	1	Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu	6.626.350	1.987.905	4.638.445	
		<i>Trong đó ODA cấp phát</i>	<i>1.987.905</i>	<i>1.987.905</i>		
I.2.3.c	17	Giao thông	27.112.203	4.822.320	22.289.883	
1	1	Xây dựng tuyến đường Vành đai I thành phố Hải Dương đoạn từ QL.5 đến cảng Tiên Kiêu (ĐH.194B huyện Cẩm Giàng)	149.200		149.200	
2	1	Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 37, đoạn từ Quốc lộ 18 đến địa phận tỉnh Bắc Giang;	894.000		894.000	
3	1	Xây dựng tuyến đường kết nối QL.37 (thành phố Chí Linh) với đường ven sông thị xã Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh)	290.100		290.100	
4	1	Xây dựng đường tỉnh 394B kéo dài, từ QL.5 đến địa phận tỉnh Bắc Ninh;	670.500		670.500	
5	1	Xây dựng đường ven đê hữu sông Thái Bình (đê Văn Thái), từ cầu Phú Lương đến địa phận Bắc Ninh	112.800		112.800	
6	1	Xây dựng các đoạn đường gom hai bên Quốc lộ 5 đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh	506.000		506.000	
7	1	Xây dựng nút giao phía Tây thành phố Hải Dương và Đại lộ Võ Nguyên Giáp kéo dài;	1.800.000	1.800.000		
8	1	Xây dựng đường Vành đai I thành phố Hải Dương (đoạn từ cầu vượt sông Thái Bình đến ĐT.390	405.900		405.900	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
9	1	Dự án nâng cấp Quốc lộ 17B, đoạn Km17+835-Km28+890 (Ngũ Phúc đến Tam Kỳ);	481.200		481.200	
10	1	Dự án xây dựng tuyến nối QL.18 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (ĐT.388 QH), đoạn từ ĐT.389B đến địa phận tỉnh Quảng Ninh và đoạn từ QL.5 đến cầu Hợp Thanh (giai đoạn 1);	3.022.320	3.022.320	0	
11	1	Dự án ĐTXD tuyến đường từ đường ven biển đến đường sau cảng Nam Đồ Sơn	366.300		366.300	
12	1	Dự án ĐTXD tuyến đường trục Lạch Tray – Hồ Đông	1.565.500		1.565.500	
13	1	Hoàn thiện tuyến Vành đai 3, Đoạn tuyến từ nút giao Hưng Đạo (Vành đai 2) đến đường tỉnh 354 đến nút giao QL10 (xã Trường Thành, An Lão)	1.597.683		1.597.683	
14	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối giữa tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng	10.161.900		10.161.900	
15	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng trên địa bàn thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	1.441.300		1.441.300	
16	1	Dự án ĐTXD các tuyến đường kết nối với Ga đường sắt Nam Hải Phòng	2.977.000		2.977.000	
17	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bùi Thị Xuân và đường dẫn	670.500		670.500	
I.2.3.d	2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	520.000	0	520.000	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
1	1	Nhà lớp học, nhà lớp học bộ môn, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Trãi	408.000		408.000	
1	1	Nhà lớp học, nhà lớp học bộ môn, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hồng Quang	112.000		112.000	
I.2.3.d	3	Khoa học, công nghệ	5.560.000	0	5.560.000	
1	1	Định danh số thông minh	250.000		250.000	
2	1	Xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo (Science and Innovation Park)	1.000.000		1.000.000	
3	1	Dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	4.310.000		4.310.000	
I.2.3.e	1	Thể dục, thể thao	912.000		912.000	
1	1	Xây dựng Khu liên hợp văn hóa thể thao tỉnh (hoàn thiện Khu nhà làm việc Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao, sân vận động quy mô 30.000 chỗ ngồi, khu thể thao dưới nước, hệ thống các nhà tập và sân tập ngoài trời và khu dịch vụ, vận động viên)	912.000		912.000	
I.2.3.g	3	Văn hóa, thông tin	566.100		566.100	
1	1	Tu bổ, tôn tạo các khu di tích Quốc gia đặc biệt; (Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc; Khu di tích An Phụ - Kinh Chủ - Nhấm Dương; Di tích Văn miếu Mao Diên; Cụm di tích đền Xưa - Chùa Giám - đền Bia);	300.000		300.000	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
2	1	Dự án tu bổ, tôn tạo Di tích Quốc gia đặc biệt Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm	206.100		206.100	
3	1	Khu Bảo tàng và Trung tâm Văn hóa - Lịch sử thành phố Hải Phòng (giai đoạn I)	60.000		60.000	
II	94	Các Dự án có nhu cầu đầu tư trong giai đoạn 2026-2030	36.277.823	3.997.471	32.280.352	
II.1	1	Các Dự án đã có Quyết định chủ trương đầu tư / phê duyệt dự án	152.000		152.000	
III.1.a	1	Giao thông	152.000		152.000	
1	1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường từ cầu Dinh đến ĐT.352, thành phố Thủy Nguyên	152.000		152.000	
II.2	30	Các Dự án đã có báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư	16.401.188	0	16.401.188	
II.2.1	12	Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	9.523.328		9.523.328	
2	1	Dự án khu tái định cư tập trung huyện Vĩnh Bảo	538.000		538.000	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn quận Đồ Sơn	456.000		456.000	
4	1	Dự án tái định cư trên địa bàn các phường An Đông, Đồng Thái với diện tích 8,75ha	253.000		253.000	
5	1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư trên địa bàn quận Kiến An phục vụ các dự án giai đoạn 2026-2030	1.048.000		1.048.000	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
6	1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu tái định cư tại xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng	1.885.351		1.885.351	
7	1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư trên địa bàn quận Hồng Bàng phục vụ các dự án giai đoạn 2026-2030	748.709		748.709	
8	1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư tại phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Thủy Nguyên	544.000		544.000	
9	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư tại phường Lấp Lể, thành phố Thủy Nguyên	356.000		356.000	
10	1	Dự án đầu tư xây dựng một số trường học, trạm y tế và hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư trên địa bàn huyện Kiến Thụy giai đoạn 2025-2030	2.882.000		2.882.000	
11	1	Dự án tái định cư phục vụ GPMB thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 - Quốc lộ 10 và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3	296.000		296.000	
12	1	Dự án đầu tư xây dựng 02 khu Tái định cư tại quận Dương Kinh	328.268		328.268	
13	1	Dự án đầu tư xây dựng các khu tái định cư tại phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án giai đoạn 2026 – 2030	188.000		188.000	
II.2.2	7	Giao thông	3.174.560	0	3.174.560	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (thành phố Hải Phòng) đoạn từ đê sông Kinh Thầy đến đường tỉnh 352, thành phố Thủy Nguyên	398.000		398.000	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 399, đoạn từ Quốc lộ 38B đến đường tỉnh 392 (đường trục Bắc - Nam giai đoạn 2)	1.258.960		1.258.960	
3	1	Dự án mở rộng tuyến đường Lý Thái Tổ tại Khu I Đồ Sơn và phát triển vùng phụ cận	300.600		300.600	
4	1	Đầu tư xây dựng tuyến tránh đường tỉnh 398B (đoạn từ Quốc lộ 18-Hồ Bến Tắm)	649.000		649.000	
5	1	Xây dựng đường gom Đại lộ Võ Nguyên Giáp (đoạn từ trụ sở Công an tỉnh đến nút giao với đường tỉnh 395)	92.000		92.000	
6	1	Đầu tư xây dựng đường Võ Nguyên Giáp (đoạn từ nút giao Liên Hồng đến nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng)	459.000		459.000	
7	1	Cầu qua sông Bến Vân nổi từ xã An Thượng thành phố Hải Dương đến xã Đông Lạc huyện Nam Sách	17.000		17.000	
II.2.3	1	Quốc phòng, An ninh và Trật tự an toàn xã hội	295.300	0	295.300	
1	1	Dự án xây dựng doanh trại và nơi neo đậu tránh trú bão cho các tàu thuyền thuộc Hải đội dân quân thường trực	295.300		295.300	
II.2.4	4	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	1.022.000	0	1.022.000	
1	1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương	23.000		23.000	
2	1	Đầu tư xây dựng xây mới công dưới đê trên địa bàn các huyện Cẩm Giàng, Tứ Kỳ và Ninh Giang	316.000		316.000	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
3	1	Đầu tư xây dựng nâng cấp, tu bổ đê điều trên địa bàn huyện Nam Sách, thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn	527.000		527.000	
4	1	Đầu tư xây dựng nâng cấp, tu bổ đê điều trên địa bàn huyện Thanh Hà và thành phố Hải Dương	156.000		156.000	
II.2.5	1	Thể dục, thể thao	790.000	0	790.000	
1	1	Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao thuộc Khu liên hợp văn hóa thể thao tỉnh	790.000		790.000	
II.2.6	2	Văn hóa, thông tin	96.000	0	96.000	
1	1	Phục hồi suối Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP Chí Linh	46.000		46.000	
2	1	Xây dựng, cải tạo sửa chữa và bảo quản hiện vật Bảo tàng tỉnh Hải Dương	50.000		50.000	
II.2.7	1	Bảo đảm xã hội	89.000	0	89.000	
1	1	Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, phương tiện cho cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	89.000		89.000	
II.2.8	1	Y tế, dân số và gia đình	959.000	0	959.000	
1	1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các khối nhà cũ và bổ sung hệ thống PCCC Bệnh viện đa khoa tỉnh	959.000		959.000	
II.2.9	1	Quản lý nhà nước	452.000	0	452.000	
1	1	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hải Dương	452.000		452.000	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
II.3	9	Các Dự án đã có chủ đạo thực hiện	2.195.900		2.195.900	
II.3.a	1	<i>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>	130.500	0	130.500	
1	1	Đề án Đổi mới và phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	130.500		130.500	
II.3.b	3	<i>Khoa học, công nghệ</i>	140.000	0	140.000	
1	1	Xây dựng trung tâm thí nghiệm ảo thông minh ứng dụng công nghệ 4.0 phục vụ đào tạo nhân lực các ngành kỹ thuật	30.000		30.000	
2	1	Chuyển đổi số trong lĩnh vực phát thanh truyền hình thành phố Hải Phòng	60.000		60.000	
3	1	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố	50.000		50.000	
II.3.c	3	<i>Quốc phòng, An ninh và Trật tự an toàn xã hội</i>	955.500	0	955.500	
1	1	Đề án đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an thành phố Hải Phòng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới	877.500		877.500	
2	1	Dự án mở rộng Kho vũ khí đạn K29 tại Núi Voi, xã Trường Thành, huyện An Lão	42.000		42.000	
3	1	Căn cứ hậu phương số 2 khu vực phòng thủ thành phố Hải Phòng	36.000		36.000	
II.3.d	2	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>	969.900	0	969.900	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
1	1	Đề án Nâng cao năng lực hệ thống y tế công lập thành phố Hải Phòng đến năm 2030	849.900		849.900	
2	1	Dự án ĐTXD Bệnh Viện Tâm thần Hải Phòng	120.000		120.000	
II.4	54	Các Dự án đề xuất khác	17.528.735	3.997.471	13.531.264	
II.4.a	9	Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	830.668	0	830.668	
1	1	Dự án chỉnh trang đô thị xây dựng tuyến đường nổi rộng 30m từ khu tái định cư A51 đến đường Nguyễn Văn Linh	120.000		120.000	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho Nhân dân khu dân cư số 1, số 2, số 3 tại huyện đảo Bạch Long Vỹ	46.200		46.200	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư, bãi đỗ xe và chỉnh trang đô thị tại khu vực số 22 Trần Khánh Dư và số 02 Nguyễn Trãi, quận Ngõ Quyền	86.700		86.700	
4	1	Cải tạo, chỉnh trang khu vực ngoài đê từ cầu Bưởi Viện đến Cổng Ba Tổng	45.000		45.000	
5	1	Dự án đầu tư xây dựng Công viên phía Nam cầu Hoàng Văn Thụ	150.000		150.000	
6	1	Xây dựng kè sông, vườn hoa cây xanh ven sông đảo Hạ Lý (đoạn từ cầu Tam Bạc đến cầu An Dương)	150.000		150.000	
7	1	Đầu tư xây dựng hồ điều hoà và đường giao thông nội bộ thuộc công viên phía Nam đường Vành đai I	100.000		100.000	
8	1	Cải tạo, mở rộng đường phố Văn, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương (giai đoạn I)	61.533		61.533	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
9	1	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị khu vực kênh T2 (đoạn từ ngã tư Máy Sứ đến Cầu Cắt)	71.235		71.235	
II.4.b	23	Giao thông	7.925.864	2.677.680	5.248.184	
1	1	Cải tạo, mở rộng chỉnh trang đường Thống Nhất	288.300		288.300	
2	1	Xây dựng DT.397B, đoạn từ DT.388 nối QL.17B và nhánh nối đường dẫn cầu Dinh.	360.000		360.000	
3	1	Mở rộng đường gom bên trái đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, đoạn qua địa phận huyện Bình Giang kết nối tỉnh Hưng Yên (bao gồm cầu Bãi Sậy)	849.040	849.040		
4	1	Nâng cấp, mở rộng DT.389 đoạn từ QL.5 tới DT.389B (Km0+00 - Km6+450)	97.800		97.800	
5	1	Nâng cấp, mở rộng DT.390E đoạn từ DT.390B đến QL.17B (kết nối huyện Thanh Hà - Kim Thành)	208.500		208.500	
6	1	Xây dựng một số cầu vượt dân sinh kết nối đường gom 2 bên QL.5	171.000		171.000	
7	1	Xây dựng đường vành đai II (đoạn từ QL.37 đến Vành đai V) và DT.397B (đoạn từ Vành đai V đến DT.388)	742.800		742.800	
8	1	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Tân An và đường dẫn (giai đoạn 2): để hoàn thiện kết nối liên vùng nối Quốc lộ 18 với cầu Kênh Vàng và Sân Bay Gia Bình.	426.000		426.000	
9	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nối QL37 với đại lộ Võ Văn Kiệt (Đoạn từ chợ đầu mối nông sản đến tuyến tránh QL37): hoàn thiện quy hoạch kết nối QL37 với đại lộ Võ Nguyên Giáp.	45.000		45.000	
10	1	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường 5A huyện Đảo Bạch Long Vỹ	63.300		63.300	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
11	1	Tuyến đường 40m nối từ đường Lê Hồng Phong đến đường 100m Lạch Tray – Hồ Đông và phát triển vùng phụ cận, quận Hải An	189.000		189.000	
12	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 362 đoạn từ Quán Rẻ tới hết địa phận xã An Thái, huyện An Lão	79.500		79.500	
13	1	Tuyến đường tỉnh DT.362 huyện Kiến Thụy với đường bộ ven biển	169.800		169.800	
14	1	Cải tạo chỉnh trang các tuyến đường đô thị (Tô Hiệu, Cầu Đất, Trần Nguyên Hãn, Đà Nẵng...)	826.964		826.964	
15	1	Xây dựng tuyến đường ven đê sông Lạch Tray (đoạn từ cầu cầu Rào 2 đến Nguyễn Văn Linh)	90.000		90.000	
16	1	Mở rộng đường Nguyễn Bình trên địa bàn phường Kênh Dương, Lê Chân	135.000		135.000	
17	1	Đầu tư xây dựng tuyến đường 25m nối đường Võ Nguyên Giáp (cạnh trụ sở Công an phường Vĩnh Niệm) đến đường 30m (Dự án A51)	165.300		165.300	
18	1	Xây dựng tuyến đường Chợ Con kéo dài (nối với ngõ 89 Chợ Con đi Lạch Tray)	19.500		19.500	
19	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường liên phường Đa Phúc Đồng Hòa kết nối đường Vành đai 2	161.025		161.025	
20	1	Dự án cải tạo, sửa chữa tuyến đường Tư Thủy, quận Dương Kinh (Tỉnh lộ 362)	40.095		40.095	
21	1	Dự án đường nối đường Nguyễn Như Quế với đường Vụ Sơn, phường Phù Liên	156.000		156.000	

STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
22	1	Xây dựng trục kết nối thành phố Hải Dương, huyện Thanh hà và Kim Thành với QL.10 (qua KCN Tràng Duệ, thành phố Hải Phòng)	1.935.520	1.122.220	813.300	
23	1	Mở rộng đường 62m kéo dài và đường trục Bắc Nam tỉnh Hải Dương (đoạn nối 02 nút giao giữa QL.38B với nhánh lên đường cao tốc HN-HP và đường trục Bắc Nam)	706.420	706.420	-	
II.4.c	3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	1.112.000		1.112.000	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng bảo vệ và cải thiện chất lượng nguồn nước sông Đa Độ, sông Gia và sông Rế.	352.000		352.000	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi Tiên Lãng.	480.000		480.000	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp cứng hóa hệ thống kênh, trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp	280.000		280.000	
II.4.d	3	Y tế, dân số và gia đình	456.000		456.000	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà tại TT Y tế Chí Linh	160.000		160.000	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà tại TT Y tế Tứ Kỳ	136.000		136.000	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng bổ sung một số khối nhà tại TT Y tế Gia Lộc	160.000		160.000	
II.4.d	2	Bảo vệ môi trường	6.310.603	1.319.791	4.990.812	
1	1	Dự án phát triển bền vững khu vực Đông Nam thành phố Hải Phòng thích ứng biến đổi khí hậu	5.926.765	1.319.791	4.606.974	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
		<i>Trong đó ODA cấp phát</i>	1.319.791	1.319.791		
2	1	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực trung tâm thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn, huyện Gia Lộc, huyện Cẩm Giàng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	383.838		383.838	
II.4.f	14	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	893.600	0	893.600	
1	1	Dự án Đầu tư xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến	32.000		32.000	
2	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	91.200		91.200	
3	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Bò Sơn	54.800		54.800	
4	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT An Dương	72.000		72.000	
5	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Nguyễn Trãi	82.400		82.400	
6	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Quang Trung	74.400		74.400	
7	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Lý Thường Kiệt	79.200		79.200	
8	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Trần Hưng Đạo	67.600		67.600	
9	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Như Văn Lan	28.000		28.000	
10	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	66.000		66.000	



STT	Số Dự án	Tên Dự án	Dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố	
11	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Trần Nguyễn Hân	72.000		72.000	
12	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Lê Quý Đôn	60.000		60.000	
13	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Đồng Hoà	64.000		64.000	
14	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường THPT Toàn Thắng	50.000		50.000	

PHỤ LỤC V: CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ BỔ SUNG VỐN ỦY THÁC CHO VAY QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn	
		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	1.200.290	4.198.608
I	Cấp vốn điều lệ các quỹ tài chính ngoài ngân sách	280.000	352.608
1	Quỹ đầu tư phát triển Hải Phòng	0	117.908
2	Quỹ Bảo vệ môi trường Hải Phòng	0	4.700
3	Quỹ hỗ trợ nông dân Hải Phòng	25.000	0
4	Quỹ hỗ trợ phát triển HTX thành phố	5.000	0
5	Quỹ trợ vốn CNVCLĐ thành phố	5.000	0
6	Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển thành phố	15.000	0
7	Quỹ đầu tư phát triển Hải Dương	200.000	200.000
8	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Hải Dương	30.000	30.000
II	Bổ sung vốn ủy thác cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội	920.290	3.846.000

